

Số: 312 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất ốc quy tại khu công nghiệp An Phước, công suất 1.300.000 kwh/năm” của Công ty Cổ phần Pin Ốc Quy Miền Nam tại lô I, Khu công nghiệp An Phước, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, dự án trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Pin Ốc Quy Miền Nam tại Văn bản số 848/PA-KT ngày 31 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 08/TTr-KCNKKT ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất ắc quy tại khu công nghiệp An Phước, công suất 1.300.000 kwh/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô I, Khu công nghiệp An Phước, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- UBND xã An Phước;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (Phòng Quản lý Cổng thông tin điện tử) (đăng tải);
- Lưu: VT, KTN, Thu. 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

**CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT ẮC QUY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP
AN PHƯỚC, CÔNG SUẤT 1.300.000 KWH/NĂM”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 312/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất ắc quy tại khu công nghiệp An Phước, công suất 1.300.000 Kwh/năm.
- Địa điểm thực hiện: Lô I, khu công nghiệp An Phước, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 321 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Dự án đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 6824122543, chứng nhận lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2025.

1.2. Quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô của Dự án

Diện tích của dự án: 85.457,9 m².

1.2.2. Công suất của Dự án

Công suất của dự án: 1.300.000 Kwh/năm. Chi tiết các sản phẩm như sau:

- Bình MF Ô tô: 132.000 Kwh/năm.
- Bình CMF Ô tô: 405.000 kWh/năm.
- Bình MF xe tải: 145.000 kWh/năm. - Bình CMF xe tải: 113.850 kWh/năm. - Bình dân dụng: 28.000 kWh/năm.
- Bình xe điện PL: 418.463 kWh/năm.

Cơ cấu các sản phẩm của Dự án có thể thay đổi để phù hợp với nhu cầu thị trường tuy nhiên tổng công suất không vượt quá 1.300.000 kWh/năm.

Dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.3. Công nghệ sản xuất

Chì nguyên chất → Cắt bi → Nghiền bi → Trộn cao → (1)

Chì hợp kim → Nấu chì → Đúc sườn → (2)

(1) + (2) → Trát cao → Ủ lá cực → Hoá thành → Rửa, sấy lá cực → Lắp ráp (xếp lá cách, hàn chùm cực, hàn xuyên vách, dán nắp....) → Kiểm tra → Nhập kho.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1.1. Các hạng mục công trình

TT	Tên hạng mục	Kích thước			Diện tích xây dựng (m ²)
		Dài (m)	Rộng (m)	Số tầng	
I	Hạng mục công trình chính				
1	Xưởng sản xuất lá cực chì	82	48	1	3.936
-	Khu phụ trợ xung quanh xưởng				380
2	Xưởng lắp ráp	110	82	1	9.020
-	Khu phụ trợ xung quanh xưởng	-	-	-	812
II	Hạng mục công trình phụ trợ				
3	Nhà ăn và nghỉ ca	30	18	2	566
		6,5	4		
4	Khu bể chứa nước sản xuất, PCCC	28	08	1	224
5	Trạm bơm nước chữa cháy, sản xuất	10	08	1	80
6	Nhà cơ khí, bảo trì	42	08	1	336
7	Trạm biến áp, nhà phân phối 2	10	08	1	80
8	Nhà pha chế axit	30	08	1	240
9	Khu bồn gas LPG	18	08	1	144
10	Trạm biến áp, nhà phân phối 1	16	08	1	128
11	Trạm cân	20	03	1	60
12	Nhà để xe ô tô và xe máy	48	8	2	384
13	Nhà bảo vệ 1	6	3	1	18
14	Nhà bảo vệ 2	6	3	1	18
15	Đường nội bộ, sân bãi, vỉa hè, ram dốc	-	-	-	17.865,9
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
16	Nhà chứa chất thải công nghiệp	36	08	1	288

TT	Tên hạng mục	Kích thước			Diện tích
-	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	11	08	88	88
-	Kho chứa CTNH	25	08	200	200
17	Hệ thống xử lý khí thải	Bố trí bên ngoài nhà xưởng tại khu vực phụ trợ của mỗi nhà xưởng (khu phụ trợ xung quanh xưởng lá cực chì 380 m ² , khu phụ trợ xung quanh xưởng lắp ráp 812 m ²) đảm bảo không vi phạm diện tích cây xanh, giao thông.			
18	Hệ thống thu gom nước mưa	-	-	-	-
19	Hệ thống thu gom nước thải	-	-	-	-
20	Khu trạm xử lý nước thải	50	08	1	400
21	Cây xanh, thảm cỏ	-	-	-	17.663
IV	Đất dự trữ phát triển				32.815
	Tổng cộng				85.457,9

Các hạng mục và hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Hoạt động rà phá bom mìn Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp An Phước đã thực hiện; Đối với hoạt động tháo dỡ, bảo trì và vận chuyển một số máy móc, thiết bị di dời từ Nhà máy Đồng Nai (Khu công nghiệp Biên Hòa 1) về lắp đặt tại dự án là không thuộc phạm vi dự án. Các hoạt động này, Chủ đầu tư sẽ thực hiện trong kế hoạch di dời Nhà máy Đồng Nai (Khu công nghiệp Biên Hòa 1).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị các hạng mục công trình chính, các hạng mục công trình phụ trợ và các hạng mục bảo vệ môi trường.
- Vận hành dự án với công suất 1.300.000 Kwh/năm.

1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Không có

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động san nền; vận chuyển nguyên, vật liệu; thi công xây dựng các

hạng mục công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị phát sinh bụi, khí thải; nước thải xây dựng; tiếng ồn, rung; chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động giao thông (vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm): Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động của công nhân viên: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động sản xuất của dự án phát sinh bụi, khí thải; nước thải sản xuất; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc tại công trường với lưu lượng $6,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli).

- Nước thải xây dựng: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị phục vụ cho hoạt động thi công xây dựng với lưu lượng $5,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: chủ yếu là cặn lơ lửng và các thông số ô nhiễm khác như BOD_5 , COD thấp, chứa dầu mỡ.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án với lưu lượng $39,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần: các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform).

- Nước thải từ nhà ăn: Phát sinh khoảng $7 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: dầu mỡ động thực vật, thành phần dinh dưỡng (các hợp chất nitơ, photpho).

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ hoạt động sản xuất với lưu lượng $355,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Nước thải chứa TSS, pH thấp, Pb,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang, đào đắp, san nền; hoạt động của phương tiện vận chuyển thực vật phát quang, cát san lấp, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thi công; quá trình đốt cháy nguyên liệu của phương tiện vận chuyển; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện ra vào nhà máy. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các công đoạn sản xuất:

Công đoạn đúc sườn, trát cao, hàn/đúc chùm cực. Thông số ô nhiễm đặc trưng: hơi chì.

Công đoạn cắt lá cực; xếp thẻ và lá cách. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi chì.

Công đoạn hóa thành. Thông số ô nhiễm đặc trưng: hơi axit.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng khoảng 120 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: các chất thải hữu cơ (thức ăn, rau quả thừa...), các chất thải vô cơ (giấy vụn, vỏ đồ hộp, bao bì, chai lọ...).

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 280 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: túi nylon, carton, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa, ...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 57,39 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: các loại phế thải như đất đá, gạch vỡ, bê tông, bao bì xi măng, bao bì nhựa, sắt thép vụn, xi măng rơi vãi,...

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án khoảng 471 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: giấy, sắt phế liệu, palet gỗ hư, carton, nhựa phế liệu, nylon, ...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng: phát sinh từ hoạt động thi công, xây dựng khoảng 44,3kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau, bao bì

dính xăng dầu; bóng đèn thải; cặn bã dầu nhớt, thùng sơn thải,...

3.2.3.2. Giai đoạn vận hành: phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án khoảng 5.587,42 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải có chứa xỉ chì từ quá trình sản xuất sơ cấp và thứ cấp, bóng đèn huỳnh quang thải, kim loại (chì), ắc quy chì thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, bùn thải, phôi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác,....

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

- Tiếng ồn, rung phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, sản phẩm và giao thông.

- Tiếng ồn, rung phát sinh từ các dây chuyền sản xuất.

3.4. Các tác động khác (nếu có)

3.4.1. Nước mưa chảy tràn

Giai đoạn thi công xây dựng: Nước mưa chảy tràn khu vực thi công xây dựng cuốn theo các chất gây ô nhiễm.

Giai đoạn vận hành: Toàn bộ diện tích Dự án đã được xây dựng hoàn chỉnh nhà xưởng, khu vực sân bãi, đường nội bộ và đã có hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa nội bộ. Tác động do nước mưa chảy tràn là không đáng kể.

3.4.2. Một số rủi ro, sự cố

- Rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công xây dựng: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố do thời tiết bất thường; sự cố lây lan dịch bệnh; sụt lún công trình..

- Rủi ro, sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn vận hành: Sự cố cháy nổ dẫn đến sự cố môi trường, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 07 nhà vệ sinh di động trên công trường.

Chất thải phát sinh từ nhà vệ sinh lưu động sẽ được nhà thầu hợp đồng thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân để bơm hút, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

- Nước thải xây dựng: Bố trí 01 khu vực rửa xe dài x rộng = 10 m x 5 m; Bố trí hố lắng bùn, đất là kích thước 2,5 m x 1 m; Bể tách dầu có kích thước 1 m x 0,5 m x 1 m. Tận dụng tưới ẩm, kết hợp đấu nối về hệ thống thu gom nước thải KCN An Phước.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: Xử lý sơ bộ qua bể tự hoại (11 bể tự hoại, dung tích 12 m³/bể), sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 960 m³/ngày.đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ nhà ăn: Xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ 18 m³, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 960 m³/ngày.đêm của dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất thu gom về về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 960 m³/ngày.đêm của dự án.

Quy trình xử lý của về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 960 m³/ngày.đêm của dự án như sau:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể điều hoà → Bể hiếu khí → Bể lắng → (1).

+ Nước thải từ nhà ăn → Bể tách dầu mỡ → (2).

+ Nước thải sản xuất + (2) → Hố bơm → (3)

(1) + (3) → Bể tiếp nhận → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể đệm → Bồn lọc cát → Bể trung hòa → Nước thải đạt quy định tiếp nhận của Khu công nghiệp An Phước → Đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung tại 01 vị trí trên đường số 4 trước khi đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phước để tiếp tục xử lý.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng đạt yêu cầu đấu nối trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phước.

- Nước thải giai đoạn hoạt động được xử lý đạt yêu cầu đấu nối trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phước.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Dựng hàng rào xây dựng xung quanh công trường.
- Phủ kín phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng và thiết bị, chở đúng trọng tải.
- Có kế hoạch cung cấp, vận chuyển vật tư thích hợp, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công và các phương tiện vận chuyển.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay,...) cho tất cả các cán bộ, công nhân tham gia thi công công trình.
- Bố trí bộ phận quét dọn và vệ sinh công trường mỗi ngày.
- Thực hiện tưới ẩm thường xuyên công trường vào những ngày nắng nóng, gió lớn với tần suất 2 lần/ngày nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí.
- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Sử dụng phương tiện còn thời hạn đăng kiểm để vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm, định kỳ bảo dưỡng các phương tiện.
- Trồng cây xanh đảm bảo đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án.
- Thực hiện thông gió tự nhiên, thông gió cưỡng bức đối với các nhà xưởng.
- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án được thu gom và xử lý tại các hệ thống xử lý bụi, khí thải như sau:
 - + 01 hệ thống xử lý hơi chì các máy đúc sườn và máy đúc phụ kiện (công đoạn đúc sườn) với công suất 22.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Hơi chì phát sinh → Thu gom → Tháp rửa ướt bằng nước → Ống thải → Môi trường.
 - + 01 hệ thống xử lý hơi chì cho 2 lò sấy nhanh máy trát cao và 2 máy trộn cao (công đoạn trộn-trát cao) với công suất 22.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Hơi chì phát sinh → Thu gom → Tháp rửa ướt bằng nước → Ống thải → Môi trường.
 - + 01 hệ thống xử lý hơi chì máy COS dây chuyền số 1, số 2 và số 3 (công đoạn hàn/đúc chùm cực) với công suất 22.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Hơi chì phát sinh → Thu gom → Tháp rửa ướt bằng nước → Ống thải → Môi trường.
 - + 01 hệ thống xử lý bụi chì máy xếp lá cách dây chuyền số 1 và số 2 (công đoạn xếp thẻ và lá cách) với công suất 38.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Bụi chì phát sinh → Thu gom → Tháp lọc bụi túi vải → Ống thải → Môi trường.

+ 01 hệ thống xử lý bụi chì máy xếp lá cách dây chuyền số 3 và số 4 (công đoạn xếp thẻ và lá cách) với công suất 17.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Bụi chì phát sinh → Thu gom → Tháo lọc bụi túi vải → Ống thải → Môi trường.

+ 01 hệ thống xử lý bụi chì máy cắt thẻ (công đoạn cắt lá cực) với công suất 30.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Bụi chì phát sinh → Thu gom → Tháo lọc bụi túi vải → Ống thải → Môi trường.

+ 01 hệ thống xử lý hơi axit số 1 (công đoạn hóa thành) với công suất 33.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Hơi axit phát sinh → Thu gom → Tháo hấp thụ bằng dung dịch NaOH 50% → Ống thải → Môi trường.

+ 01 hệ thống xử lý hơi axit số 2 (công đoạn hóa thành) với công suất 33.000 m³/giờ. Quy trình xử lý: Hơi axit phát sinh → Thu gom → Tháo hấp thụ bằng dung dịch NaOH 50% → Ống thải → Môi trường.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường). Lắp đặt thiết bị đo pH tại các công đoạn hấp thụ bằng NaOH để kiểm soát hiệu quả quá trình vận hành.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí các thùng rác nhựa có nắp đậy để chứa rác (3 thùng loại 240 lít, trong đó: 01 thùng màu xanh để đựng chất thải hữu cơ dễ phân hủy, 01 thùng màu trắng để đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng màu xám chứa chất thải còn lại).

+ Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời trên công trường có diện tích khoảng 10m², đặt kế bên khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng không nguy hại: Thực bì phát quang thu gom và bàn giao đơn vị chức năng thu gom theo quy định; chất thải rắn có thể tái sử dụng ngay trên công trường (gạch, đá, bê tông,...); chất thải không tái chế, tái sử dụng được sẽ thu gom và lưu chứa tại kho dựng tạm thời diện tích khoảng 25m², bố trí kế bên khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý trong suốt thời gian xây dựng.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí các thùng rác loại 45-240 lít (tương đương sức chứa 15-27 kg/thùng) tại các khu vực nhà căn tin, nhà xưởng, nhà nghỉ ca,...Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định. Tại mỗi khu vực trong nhà máy bố trí 03 thùng gồm: 01 thùng màu xanh để đựng chất thải thực phẩm; 01 thùng màu trắng để đựng chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng màu xám chứa chất thải còn lại nhằm thực hiện phân loại tại nguồn.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và vận chuyển hàng ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại:

+ Thu gom, phân loại và tập kết về kho lưu chứa với diện tích 88 m².

+ Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại có giá trị tái chế: Sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua tái chế. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại còn lại: sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển mang đi xử lý khi đủ khối lượng.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải rắn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp đối với từng loại chất thải nguy hại riêng biệt. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trên công trường có diện tích khoảng 15m², khu vực lưu chứa bố trí phía sau nhà điều hành gần cổng ra vào công trường trên đường số 4. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định trong suốt thời gian thi công.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Toàn bộ chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa theo đúng quy định.

- Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 200 m² nhằm lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại .

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và vận chuyển xử lý toàn bộ chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí máy móc, thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và định kỳ bảo dưỡng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trên công trường.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Quy định tốc độ với các xe chuyên chở ra vào khu vực Nhà máy.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị theo đúng chế độ máy móc, thiết bị quy định.
- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý.
- Vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật.
- Trang bị nút chống ồn cho công nhân khi mức ồn của các máy móc vượt tiêu chuẩn quy định.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Không có (Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường).

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có (Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học).

4.4.3. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ và các yêu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông, hồ: Không có (Dự án không thuộc đối tượng phải đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước).

4.4.4. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.4.1. Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4.4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: Thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa chất.

4.4.4.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, vận hành theo chỉ dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Ngừng hoạt động tại khu vực phát sinh sự cố hoặc có thể dừng toàn nhà máy và triển khai ngay công tác khắc phục sự cố kịp thời trong thời gian ngắn nhất. Chỉ được phép tiếp tục sản xuất các công đoạn sản xuất có phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

4.4.4.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, vận hành theo chỉ dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Tạm ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải cho đến khi khắc phục xong sự cố.

- Lưu chứa nước thải tại bể tiếp nhận kết hợp sự cố; thỏa thuận với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Phước để quản lý nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy bị sự cố.

4.4.4.5. Phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường). Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

4.4.4.6. Các nội dung khác

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; có trách nhiệm công khai và thông báo cho Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi xảy ra sự cố) và Ban chỉ huy phòng thủ

dân sự để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ cơ sở chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4.4.5. Nước mưa chảy tràn

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tạo mương thoát nước theo địa hình tự nhiên nhằm không chế tình trạng ứ đọng, ngập úng. Toàn bộ nước mưa được đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp An Phước tại 01 vị trí trên đường số 4.

- Giai đoạn vận hành: Đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa Khu công nghiệp An Phước tại 02 vị trí (01 vị trí trên đường số 4 và 01 vị trí trên đường số 2).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn xây dựng

Chủ đầu tư sẽ tăng cường quản lý và giám sát chất thải phát sinh; các sự cố phát sinh.

5.2.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm

5.2.2.1. Giám sát nước thải

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm):

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng nitơ, Amoni, tổng P, dầu mỡ khoáng, Pb, Coliform.

+ Tần suất quan trắc: 01 mẫu đầu vào (lấy 01 mẫu trong 75 ngày, lấy mẫu tổ hợp) và 05 mẫu đầu ra sau xử lý (lấy 15 ngày/lần và kéo dài trong 75 ngày, lấy mẫu tổ hợp).

+ Quy chuẩn so sánh: Quy định đầu nối của Khu công nghiệp An Phước.

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải (7 ngày liên tiếp sau 75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm):

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng nitơ, Amoni, tổng P, dầu mỡ khoáng, Pb, Coliform.

+ Tần suất quan trắc: 01 mẫu đầu vào (lấy 01 mẫu trong 7 ngày, lấy mẫu đơn) và 07 mẫu đầu ra sau xử lý (lấy 01 ngày/lần và kéo dài trong 07 ngày, lấy mẫu đơn).

+ Quy chuẩn so sánh: Quy định đầu nổi của Khu công nghiệp An Phước.

5.2.2.2. Giám sát khí thải

Mỗi hệ thống sẽ được vận hành thử nghiệm theo đúng quy định và cụ thể như sau:

▪ Đối với các công trình xử lý hơi chì, bụi chì (06 hệ thống)

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của các công trình xử lý hơi chì, bụi chì (75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm):

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, Pb.

+ Tần suất quan trắc: 05 mẫu đầu ra sau xử lý của mỗi hệ thống xử lý (lấy 15 ngày/lần và kéo dài trong 75 ngày, lấy mẫu tổ hợp).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải (7 ngày liên tiếp sau 75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm):

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, Pb.

+ Tần suất quan trắc: 07 mẫu đầu ra sau xử lý của mỗi hệ thống xử lý (lấy 1 ngày/lần trong 7 ngày liên tục, lấy mẫu đơn).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).

▪ Đối với các công trình xử lý hơi axit (02 hệ thống)

- Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý hơi chì, bụi chì (75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử):

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.

+ Thông số quan trắc: Lưu lượng, hơi H₂SO₄.

+ Tần suất quan trắc: 05 mẫu đầu ra sau xử lý của mỗi hệ thống xử lý (lấy 15 ngày/lần và kéo dài trong 75 ngày, lấy mẫu tổ hợp).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).

- Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải (7 ngày liên tiếp sau 75 ngày từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm):

- + Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.
- + Thông số quan trắc: Lưu lượng, hơi H_2SO_4 .
- + Tần suất quan trắc: 07 mẫu đầu ra sau xử lý của mỗi hệ thống xử lý (lấy 1 ngày/lần trong 7 ngày liên tục, lấy mẫu đơn).
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).

5.2.3. Giai đoạn vận hành ổn định

5.2.3.1. Giám sát nước thải

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ được đầu nối đưa về trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Phước để xử lý, do đó dự án không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ đối nước thải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025

5.2.3.2. Giám sát khí thải

- Đối với công trình xử lý hơi chì, bụi chì (06 hệ thống)
 - Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.
 - Thông số quan trắc: Lưu lượng, Pb.
 - Tần suất quan trắc: 3 tháng/1 lần.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).
- Đối với công trình xử lý hơi axit (02 hệ thống)
 - Vị trí quan trắc: 01 điểm đầu ra sau mỗi hệ thống xử lý.
 - Thông số quan trắc: Lưu lượng, hơi H_2SO_4 .
 - Tần suất quan trắc: 3 tháng/1 lần.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B (Bảng 2) (trong trường hợp chưa có phân vùng môi trường).

5.2.3.3. Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải

Căn cứ theo quy định tại điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025: Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ theo quy định tại điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục.

5.2.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

Chủ đầu tư sẽ thực hiện giám sát khối lượng phát sinh; phân định, phân loại các loại chất thải phát sinh để quản lý theo quy định đối với chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong suốt thời gian vận hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; xây dựng; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với người lao động làm việc cho cơ sở; đồng thời thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chỉ sử dụng những hóa chất được phép sử dụng và lưu hành tại Việt Nam trong quá trình triển khai Dự án, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn thi công, xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật được nêu tại Giấy phép môi trường này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của số liệu đo đạc, phân tích thành phần môi trường, thông tin về

những người tham gia đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu khác nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

17/04/2024